

Số: 96 /2019/WSB

Cần Thơ, ngày 06 tháng 3 năm 2019

(Về việc công bố thông tin  
Báo cáo tài chính hợp nhất  
đã kiểm toán năm 2018)

Kính gửi: **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI.**

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây
2. Mã chứng khoán: WSB
3. Địa chỉ trụ sở: KCN Trà Nóc, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, Tp. Cần Thơ, Việt Nam
4. Điện thoại: 02923 843 333 Fax: 02923 843 222
5. Người thực hiện Công bố thông tin: Lê Đăng Khoa
6. Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

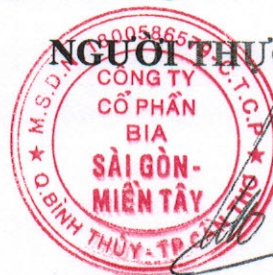
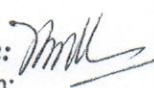
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây công bố thông tin Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 bởi Công ty TNHH KPMG. Nội dung báo cáo bao gồm:

- + Bảng cân đối kế toán;
- + Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh;
- + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- + Thuyết minh báo cáo tài chính.

Địa chỉ đăng tải Nội dung Báo cáo: [www.wsb-sabeco.com.vn](http://www.wsb-sabeco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:  
- Như trên;  
- Lưu HC.



**NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT**

**Lê Đăng Khoa**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây  
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2018**



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	5703000144 1800586579	ngày 13 tháng 4 năm 2005 ngày 14 tháng 9 năm 2016
--	--------------------------	--

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 1800586579 ngày 14 tháng 9 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Nguyễn Thành Nam Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan Ông Trần Nguyên Trung Ông Phạm Đình Hùng Ông Nguyễn Văn Đồi	Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
--------------------------	--	--

<b>Ban Kiểm soát</b>	Bà Trần Thị Loan Anh Ông Đoàn Tiến Dũng Ông Nguyễn Văn Doanh	Trưởng ban Thành viên Thành viên
----------------------	--	--

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Lê Đăng Khoa Ông Phạm Minh Quân Ông Nguyễn Đức Tuấn	Giám đốc Phó Giám đốc Phó Giám đốc
---------------------	---	--

<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Nguyễn Thành Nam	
--	----------------------	--

<b>Trụ sở đăng ký</b>	Khu Công nghiệp Trà Nóc Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy Thành phố Cần Thơ Việt Nam	
-----------------------	--	--

<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	
--------------------------	-------------------------------	--

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 36 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 2 năm 2019



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) và công ty con (“gọi chung là Nhóm Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 2 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 36.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Bina Sài Gòn - Miền Tây và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề khác


Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 9 tháng 3 năm 2018.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00318-19-4



Hà Vũ Đình  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0414-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 2 năm 2019

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>140.760.080.886</b>	<b>76.150.003.500</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>23.671.505.612</b>	<b>728.368.152</b>
Tiền	111		7.871.505.612	728.368.152
Các khoản tương đương tiền	112		15.800.000.000	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.441.796.683</b>	<b>16.470.382.447</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	38.965.314.474	10.816.540.508
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.281.399.701	3.001.741.939
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	195.082.508	2.652.100.000
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>73.373.095.456</b>	<b>58.337.537.837</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.273.683.135</b>	<b>613.715.064</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.273.683.135	613.715.064
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>692.109.578.076</b>	<b>746.381.084.663</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.000.000</b>	<b>3.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		3.000.000	3.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>617.081.268.950</b>	<b>670.260.879.822</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	617.081.268.950	670.260.879.822
Nguyên giá	222		969.209.402.973	957.155.224.890
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(352.128.134.023)	(286.894.345.068)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		73.881.710	73.881.710
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(73.881.710)	(73.881.710)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>340.404.773</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	10	-	340.404.773
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>11</b>	<b>54.774.979.499</b>	<b>55.873.161.304</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		39.488.724.099	40.079.195.904
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		16.135.902.200	16.135.902.200
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(849.646.800)	(341.936.800)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.250.329.627</b>	<b>19.903.638.764</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	20.250.329.627	19.903.638.764
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>832.869.658.962</b>	<b>822.531.088.163</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>303.538.032.645</b>	<b>280.423.069.569</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>296.354.903.574</b>	<b>276.444.620.944</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	23.753.834.120	17.497.515.664
Thuế phải nộp Nhà nước	313	14	96.666.025.949	89.180.105.119
Phải trả người lao động	314		12.633.310.178	4.819.629.165
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.390.265.863	3.331.028.307
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	34.804.881.854	4.874.408.143
Vay ngắn hạn	320	16	108.982.967.784	136.551.198.548
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	17.123.617.826	20.190.735.998
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>7.183.129.071</b>	<b>3.978.448.625</b>
Phải trả dài hạn khác	337		240.000.000	240.000.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	18	6.943.129.071	3.738.448.625
<b>Vốn chủ sở hữu (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>529.331.626.317</b>	<b>542.108.018.594</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>529.331.626.317</b>	<b>542.108.018.594</b>
Vốn cổ phần	411	20	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	219.010.945.308	211.772.122.017
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		165.320.681.009	185.335.896.577
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		120.092.775.325	103.825.249.960
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		45.227.905.684	81.510.646.617
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>832.869.658.962</b>	<b>822.531.088.163</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập báo cáo:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



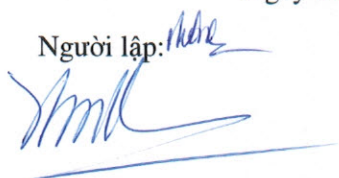
**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc**  
**ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 02 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>907.834.318.429</b>	<b>926.807.156.758</b>
<b>Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>749.123.740.803</b>	<b>763.804.708.550</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>158.710.577.626</b>	<b>163.002.448.208</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	6.355.838.288	2.029.236.464
Chi phí tài chính	22	27	8.075.414.034	10.877.961.496
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.567.704.034	10.529.904.617
Phần lãi trong công ty liên kết	24	11	6.616.728.195	8.649.268.073
Chi phí bán hàng	25		411.023.070	1.798.605.569
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	30.648.832.257	31.376.802.760
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26))</b>	<b>30</b>		<b>132.547.874.748</b>	<b>129.627.582.920</b>
Thu nhập khác	31		804.817.183	5.166.693.169
Chi phí khác	32		757.160.459	2.239.685.996
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>47.656.724</b>	<b>2.927.007.173</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>132.595.531.472</b>	<b>132.554.590.093</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>15.094.608.138</b>	<b>11.234.905.427</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>30</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>117.500.923.334</b>	<b>121.319.684.666</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	7.119	6.621

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>132.595.531.472</b>	<b>132.554.590.093</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	67.443.849.127	66.159.736.993
Các khoản dự phòng	03	5.341.670.083	4.080.385.425
Lãi tiền gửi	05	(229.525.888)	(73.329.547)
Thu nhập từ cổ tức	05	(6.126.312.400)	(1.949.831.000)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05	(391.469.459)	(1.115.039.004)
Lãi trong công ty liên kết	05	(6.616.728.195)	(8.649.268.073)
Chi phí lãi vay	06	7.567.704.034	10.529.904.617
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>199.584.718.774</b>	<b>201.537.149.504</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(28.373.814.236)	16.328.631.577
Biến động hàng tồn kho	10	(15.035.557.619)	8.069.210.687
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	20.050.304.223	(44.092.905.235)
Biến động chi phí trả trước	12	(1.006.658.934)	9.397.406.246
		<b>175.218.992.208</b>	<b>191.239.492.779</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(7.556.903.629)	(12.007.024.664)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(14.706.619.200)	(6.364.951.823)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.973.713.420)	(23.754.556.103)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>133.981.755.959</b>	<b>149.112.960.189</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21	(14.133.154.931)	(13.455.415.808)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	600.790.908	1.655.436.179
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(3.880.715.400)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	15.965.438.288	8.034.459.548
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.433.074.265</b>	<b>(7.646.235.481)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

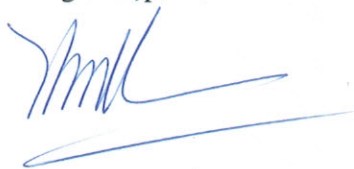
**Mẫu B 03 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		578.691.910.657	836.681.155.500
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(606.260.141.421)	(951.642.411.900)
Tiền chi trả cổ tức	36		(85.903.462.000)	(44.636.032.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(113.471.692.764)</b>	<b>(159.597.288.400)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>22.943.137.460</b>	<b>(18.130.563.692)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>728.368.152</b>	<b>18.858.931.844</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>23.671.505.612</b>	<b>728.368.152</b>

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập:



Trương Thị Mỹ Hồng  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:



Lê Đăng Khoa  
Giám đốc

## **Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Ngày 10 tháng 8 năm 2010, cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, theo Thông báo số 694/TB-SGDHN ngày 3 tháng 8 năm 2010 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm Công ty”) và phần lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là sản xuất bia và mạch nha; kinh doanh các sản phẩm bia, cồn, nước giải khát, nước tinh khiết đóng chai; sản xuất đồ uống không cồn; kinh doanh chế biến nông sản để làm nguyên liệu sản xuất bia, cồn, nước giải khát và xuất khẩu; kinh doanh văn phòng và kho bãi.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết), thông tin chi tiết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			31/12/2018	1/1/2018
<b>Công ty con sở hữu trực tiếp</b>				
Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Sóc Trăng	Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng	Sản xuất, kinh doanh bia, cồn và nước giải khát	100%	100%
<hr/>				
<b>Công ty liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	Sản xuất, kinh doanh bia, cồn và nước giải khát	20%	20%
<hr/>				

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty có 222 nhân viên (1/1/2018: 250 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**(ii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác***

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Nhóm Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị quản lý	2 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***(i) Chi phí đất trả trước***

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Nhóm Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 32 đến 35 năm.

***(ii) Bao bì luân chuyển***

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Nhóm Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu theo mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi các ảnh hưởng của thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iv) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Lãi trên cổ phiếu**

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiền năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(s) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay gây ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

#### **4. Báo cáo bộ phận**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là sản xuất và phân phối bia. Hoạt động khác là kinh doanh và cho thuê kho bãi. Trong năm, hoạt động kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Nhóm Công ty. Theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

#### **5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	141.112.898	352.174.942
Tiền gửi ngân hàng	7.730.392.714	376.193.210
Các khoản tương đương tiền	15.800.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	<b>23.671.505.612</b>	<b>728.368.152</b>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi và hưởng lãi suất 5,5% một năm (1/1/2018: Không).

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	35.194.114.474	10.805.180.650
Các khách hàng khác	3.771.200.000	11.359.858
	38.965.314.474	10.816.540.508

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i><b>Công ty mẹ</b></i>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	35.194.114.474	10.805.180.650
<i><b>Bên liên quan khác</b></i>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn	3.731.200.000	-
	3.731.200.000	-

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ và bên liên quan khác không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng cho nhân viên	182.500.000	240.700.000
Phải thu về cổ tức được chia	-	2.402.400.000
Phải thu khác	12.582.508	9.000.000
	<hr/>	<hr/>
	195.082.508	2.652.100.000
	<hr/>	<hr/>

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	382.229.500	-
Nguyên vật liệu	26.383.252.975	-	15.833.693.193	-
Công cụ và dụng cụ	8.504.853.447	-	8.713.735.087	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.742.446.308	-	23.497.296.155	-
Thành phẩm	15.705.324.261	-	9.910.583.902	-
Hàng hóa	37.218.465	-	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	73.373.095.456	-	58.337.537.837	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị quản lý VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	181.623.365.215	748.716.742.499	12.516.785.828	14.298.331.348	957.155.224.890
Tăng trong năm	134.050.264	3.844.007.718	3.030.035.247	2.324.643.904	9.332.737.133
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	791.176.270	4.349.646.301	-	-	5.140.822.571
Thanh lý	-	(810.665.334)	(1.483.412.307)	(125.303.980)	(2.419.381.621)
Phân loại lại	15.209.609	(15.209.609)	-	-	-
Số dư cuối năm	182.563.801.358	756.084.521.575	14.063.408.768	16.497.671.272	969.209.402.973
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	40.919.712.068	230.659.417.520	7.838.069.588	7.477.145.892	286.894.345.068
Khấu hao trong năm	9.479.658.170	55.325.942.364	1.185.987.233	1.452.261.360	67.443.849.127
Thanh lý	-	(762.901.414)	(1.321.854.778)	(125.303.980)	(2.210.060.172)
Số dư cuối năm	50.399.370.238	285.222.458.470	7.702.202.043	8.804.103.272	352.128.134.023
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	140.703.653.147	518.057.324.979	4.678.716.240	6.821.185.456	670.260.879.822
Số dư cuối năm	132.164.431.120	470.862.063.105	6.361.206.725	7.693.568.000	617.081.268.950

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 46.226 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 43.705 triệu VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 247.362 triệu VND (1/1/2018: 265.598 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh 16).

**10. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	340.404.773	1.715.215.136
Tăng trong năm	4.800.417.798	3.801.271.227
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(5.140.822.571)	(5.176.081.590)
Số dư cuối năm	-	340.404.773



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/12/2018					1/1/2018				
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:										
Công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu	2.402.400	20%	39.488.724.099	-	(*)	2.402.400	20%	40.079.195.904	-	(*)
Đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)	1.891.807	9,46%	13.980.715.400	-	(*)
• Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại DIC	145.060	1,28%	2.155.186.800	(849.646.800)	(*)	145.060	1,28%	2.155.186.800	(341.936.800)	(*)
			55.624.626.299	(849.646.800)				56.215.098.104	(341.936.800)	

(\*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	40.079.195.904	39.838.327.831
Phần lãi trong công ty liên kết	6.616.728.195	8.649.268.073
Cổ tức được chia	(7.207.200.000)	(8.408.400.000)
	39.488.724.099	40.079.195.904

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>Tổng vốn chủ sở hữu</b>	<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	369.244.073.211	171.800.452.716	197.443.620.495	39.346.220.579
	303.332.714.246	102.936.734.725	200.395.979.521	44.763.428.804

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	341.936.800	-
Dự phòng trích lập trong năm	507.710.000	341.936.800
	849.646.800	341.936.800

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tiền thuê đất trả trước VND	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	13.019.260.624	3.221.930.874	2.207.050.718	1.455.396.548	19.903.638.764
Tăng trong năm	-	2.213.898.402	3.086.970.818	686.486.902	5.987.356.122
Phân bổ trong năm	(458.341.368)	(2.822.984.065)	(1.693.174.207)	(666.165.619)	(5.640.665.259)
Số dư cuối năm	12.560.919.256	2.612.845.211	3.600.847.329	1.475.717.831	20.250.329.627

**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ 31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	7.650.748.615	2.531.817.157
Công ty Cổ phần Năng lượng Xanh Sóc Trăng	1.153.798.070	1.109.741.547
Các nhà cung cấp khác	14.949.287.435	13.855.956.960
	23.753.834.120	17.497.515.664

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải khát Sài Gòn	7.650.748.615	2.531.817.157
<b>Các bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco	2.153.022.724	136.051.191
Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực thực phẩm Trường Sa	-	664.446.000

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và các bên liên quan khác không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
 (tiếp theo)

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**14. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	73.624.824.580	793.090.332.679	(787.980.510.921)	78.734.646.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.234.905.427	15.094.608.138	(14.706.619.200)	5.622.894.365
Thuế giá trị gia tăng	9.382.755.442	170.080.488.347	(167.717.974.312)	11.745.269.477
Thuế xuất nhập khẩu	-	123.273.592	(123.273.592)	-
Thuế thu nhập cá nhân	937.619.670	3.537.177.680	(3.911.581.581)	563.215.769
Tiền thuê đất	-	490.974.478	(490.974.478)	-
Các loại thuế khác	-	6.062.325	(6.062.325)	-
	89.180.105.119	982.422.917.239	(974.936.996.409)	96.666.025.949

**15. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	33.976.973.808	3.880.435.808
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	517.118.200	457.050.000
Kinh phí công đoàn	-	60.182.554
Phải trả ngắn hạn khác	310.789.846	476.739.781
	34.804.881.854	4.874.408.143

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2018 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn (*)	136.551.198.548	578.691.910.657	(606.260.141.421)	108.982.967.784

- (\*) Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (“Vietinbank”) – Chi nhánh 4, TP. Hồ Chí Minh với hạn mức tín dụng là 200.000 triệu VND. Khoản vay chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất cơ sở của Vietinbank cộng biên độ 3,5%/năm và được điều chỉnh mỗi tháng. Khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động cho Nhóm Công ty và được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình hình thành từ dự án Nhà máy Bia Sài Gòn – Sóc Trăng của Nhóm Công ty, có giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 247.362 triệu VND (1/1/2018: 265.598 triệu VND) (Thuyết minh 9). Thời hạn cho vay của từng khoản vay tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đó.

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	20.190.735.998	14.294.837.494
Trích lập trong năm (Thuyết minh 19)	14.277.315.611	29.650.454.607
Sử dụng trong năm	(17.344.433.783)	(23.754.556.103)
Số dư cuối năm	17.123.617.826	20.190.735.998

**18. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	3.738.448.625	-
Dự phòng trích lập trong năm	4.833.960.083	3.738.448.625
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.629.279.637)	-
Số dư cuối năm	6.943.129.071	3.738.448.625

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn cổ phần VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	145.000.000.000	210.877.316.035	138.061.472.500	493.938.788.535
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	121.319.684.666	121.319.684.666
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	894.805.982	(894.805.982)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(43.500.000.000)	(43.500.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(29.650.454.607)	(29.650.454.607)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	145.000.000.000	211.772.122.017	185.335.896.577	542.108.018.594
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	117.500.923.334	117.500.923.334
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	7.238.823.291	(7.238.823.291)	-
Cổ tức (Thuyết minh 22)	-	-	(116.000.000.000)	(116.000.000.000)
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	(14.277.315.611)	(14.277.315.611)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>	145.000.000.000	219.010.945.308	165.320.681.009	529.331.626.317

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

## **20. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>31/12/2018 và 1/1/2018</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	145.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **21. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Căn cứ theo Nghị quyết số 15/2018/NQ-ĐHCD ngày 26 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua phương án trích bổ sung quỹ đầu tư phát triển là 7.238.823.291 VND (2017: Không), dựa trên lợi nhuận của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

## **22. Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 72.500 triệu VND (tương đương 5.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017, trong đó 14.500 triệu VND đã được tạm ứng cho các cổ đông năm 2017 (2017: 43.500 triệu VND (tương đương 3.000 VND/cổ phiếu)).

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 6 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng phê duyệt tạm ứng khoản cổ tức cho các cổ đông là 58.000 triệu VND (tương đương 4.000 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	1.196.362.675	962.649.766
Từ hai đến năm năm	4.785.450.701	3.850.599.062
Sau năm năm	26.185.683.661	22.286.174.325
	32.167.497.037	27.099.423.153

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	-	2.458.430.985
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	-	7.397.072.045
	-	9.855.503.030

**(c) Tài sản nhận giữ hộ bên thứ ba**

	<b>Đơn vị</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
Chai rỗng	Chai	996.833	944.755
Két	Két	52.779	50.801



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	895.366.480.841	915.597.186.822
<i>Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm</i>		
<i>thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	1.688.456.813.520	1.639.403.848.858
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt</i>	(793.090.332.679)	(723.806.662.036)
▪ Cung cấp dịch vụ	1.630.272.730	1.691.471.273
▪ Doanh thu khác	10.837.564.858	9.518.498.663
	907.834.318.429	926.807.156.758

**25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng giá vốn		
▪ Giá vốn thành phẩm đã bán	743.163.096.298	759.993.227.912
▪ Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.387.413.132	1.382.862.204
▪ Giá vốn khác	4.573.231.373	2.428.618.434
	749.123.740.803	763.804.708.550

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức được chia	6.126.312.400	1.949.831.000
Lãi tiền gửi	229.525.888	73.329.547
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.075.917
	<hr/>	<hr/>
	6.355.838.288	2.029.236.464
	<hr/>	<hr/>

**27. Chi phí tài chính**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	7.567.704.034	10.529.904.617
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	507.710.000	341.936.800
Chi phí tài chính khác	-	6.120.079
	<hr/>	<hr/>
	8.075.414.034	10.877.961.496
	<hr/>	<hr/>

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên	15.410.154.473	13.757.624.529
Chi phí khấu hao	1.105.676.369	1.170.074.662
Chi phí nguyên vật liệu	233.426.256	462.623.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.560.541.115	3.497.213.128
Chi phí quản lý khác	11.339.034.044	12.489.267.345
	<hr/>	<hr/>
	30.648.832.257	31.376.802.760
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	546.549.435.217	585.427.436.081
Chi phí nhân công và nhân viên	57.473.815.129	67.658.767.897
Chi phí khấu hao	67.443.849.127	66.159.736.993
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.779.349.576	41.467.439.184
Chi phí khác	51.937.147.081	30.259.158.654

**30. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>		
Năm hiện hành	15.094.608.138	11.234.905.427

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	132.595.531.472	132.554.590.093
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	26.519.106.294	26.463.148.970
Chi phí không được khấu trừ thuế	612.595.008	1.437.937.701
Thu nhập không bị tính thuế	(1.225.262.480)	(2.071.646.200)
Ưu đãi thuế	(3.372.048.048)	(14.594.535.044)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với công ty con	(7.831.837.048)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	392.054.412	-
	15.094.608.138	11.234.905.427

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Thuế suất áp dụng**

**(i) Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây (“Công ty”)**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**(ii) Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn – Sóc Trăng (“Công ty con”)**

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 59221000029 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 3 tháng 4 năm 2012, Công ty con được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh (năm 2014) và được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026).

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

**31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần trong năm thuộc về cổ đông phổ thông	117.500.923.334	121.319.684.666
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(14.277.315.611)	(25.309.038.049)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	<u>103.223.607.723</u>	<u>96.010.646.617</u>

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 14.500.000 cổ phiếu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
<b>Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước Giải Khát Sài Gòn</b>		
Bán hàng hóa (không bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	894.400.342.819	915.869.011.663
Mua nguyên vật liệu	476.965.819.300	472.697.893.002
Cổ tức	59.160.000.000	22.185.000.000
<b>Công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Bạc Liêu</b>		
Bán hàng hóa	8.712.000	-
Mua hàng hóa	437.671.387	-
Cổ tức được chia	7.207.200.000	8.408.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Công ty Cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô</b>		
Mua hàng hóa	32.295.000	57.644.841
Cổ tức	6.053.782.400	1.891.807.000
Mua thêm cổ phần	-	3.880.715.400
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh Lương thực Thực phẩm Trường Sa</b>		
Mua hàng hóa	5.127.942.100	6.632.455.000
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.107.166.807	1.974.424.610
Bán hàng	3.482.657.365	-
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sabeco</b>		
Mua hàng hóa	3.783.631.345	204.290.400
<b>Công ty Cổ Phần Thương Mại Bia Sài Gòn Sông Hậu</b>		
Mua hàng hóa	1.088.075.590	1.761.450.000
<b>Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Vĩnh Long</b>		
Bán hàng hóa	99.679.500	15.948.000
Cho mượn vật tư	3.582.508	-
Mua hàng hóa	-	25.452.000
<b>Công ty Cổ phần Vận Tải và Giao Nhận Bia Sài Gòn</b>		
Mua hàng hóa	29.500.000	34.587.000

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty Cổ Phần Bia Sài Gòn – Kiên Giang</b> Mua hàng hóa	17.262.000	-
<b>Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Chương Dương</b> Mua hàng hóa	-	27.934.545
<b>Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn – Nghệ Tĩnh</b> Bán tài sản cố định	-	40.454.545
<b>Nhân sự quản lý chủ chốt</b> Lương, thưởng và các phúc lợi khác	7.341.244.351	7.444.476.358

**33. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 28 tháng 2 năm 2019

Người lập: 

**Trương Thị Mỹ Hồng**  
Kế toán Trưởng

Người duyệt: 

**Lê Đăng Khoa**  
Giám đốc

